

**ĐIỂM THI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 - PHẦN TRẮC NGHIỆM
KHỐI 12**

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
1	001370	Nguyễn Trương Quang Huy	12A1	110	4.25	303	5.50	123	9.00	421	8.75	212	8.25						
2	001559	Đỗ Đức Phong	12A1	113	4.60	303	7.25	123	9.25	321	6.00	212	7.00						
3	001670	Phạm Quốc Duy	12A1	111	3.80	301	6.25	133	7.50	721	7.75	412	6.75						
4	001752	Hồ Tuấn Du	12A1	111	5.50	303	5.00	121	7.00	321	6.85	312	6.00						
5	001814	Tô Kim Sang	12A1	110	4.35	302	8.50	124	9.00	221	7.10	412	8.50						
6	001829	Lý Gia Bảo	12A1	110	3.45	301	8.50	124	8.50	621	5.45	121	6.00						
7	001286	Vũ Văn Khánh	12A1	113	5.35	122	6.25	123	7.75	321	6.25	124	7.25						
8	001295	Nguyễn Thới Tuyết Nhi	12A1	111	4.75	122	7.50	123	7.75	121	7.75	124	9.25						
9	001300	Nguyễn Văn Thanh Tài	12A1	112	3.40	121	6.00	134	5.25	521	8.25	123	5.25						
10	001327	Trương Gia Huy	12A1	110	2.65	121	6.00	131	7.25	721	4.95	124	5.50						
11	001332	Trương Đăng Khoa	12A1	111	4.80	122	6.50	124	9.25	221	6.35	122	7.00						
12	001383	Nguyễn Thành Phát	12A1	113	3.25	124	6.00	132	7.00	621	7.00	122	4.50						
13	001396	Lê Vũ Anh Tuấn	12A1	110	4.30	121	7.25	122	9.00	121	7.50	121	9.00						
14	001414	Nguyễn Thế Huy	12A1	111	4.25	123	6.75	123	8.50	321	6.10	122	6.75						
15	001419	Nguyễn Thị Ngọc Linh	12A1	111	5.50	122	6.75	121	8.50	121	5.50	123	6.75						
16	001436	Huỳnh Bảo Thy	12A1	112	5.00	124	6.75	131	10.00	221	5.50	112	8.50						
17	001458	Trần Huy Hoàng	12A1	111	4.10	121	6.25	131	6.75	721	7.35	124	5.75						
18	001471	Trần Tiến Phát	12A1	110	4.15	123	6.25	123	5.50	121	5.00	124	6.00						
19	001476	Phạm Ngọc Thắng	12A1	110	3.30	122	6.25	134	9.00	221	6.35	312	7.50						
20	001499	Trần Trung Hiếu	12A1	112	3.95	121	6.50	131	9.25	821	9.00	121	5.00						
21	001512	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12A1	110	5.55	123	7.00	123	8.50	421	7.75	122	6.50						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
22	001541	Nguyễn Bá Hiếu	12A1	112	5.50	122	6.75	124	7.75	121	7.00	121	8.00						
23	001572	Nguyễn Phạm Tường Vy	12A1	113	5.30	122	7.25	123	8.75	421	5.10	123	7.25						
24	001585	Võ Thị Ngọc Hiền	12A1	111	4.10	121	7.00	132	9.50	421	6.75	112	7.00						
25	001599	Trần Việt Thiên Minh	12A1	110	5.25	122	6.75	124	9.00	421	5.75	121	6.50						
26	001612	Nguyễn Quế Trân	12A1	110	3.65	124	7.25	124	8.50	421	6.50	121	7.75						
27	001628	Nguyễn Tiến Đạt	12A1	110	3.65	122	7.50	132	8.00	821	7.00	123	6.00						
28	001647	Nông Phạm Minh Quân	12A1	113	4.75	122	6.50	121	4.75	121	4.70	124	6.25						
29	001652	Trần Trung Thịnh	12A1	110	5.40	124	7.25	121	6.50	321	5.85	121	6.50						
30	001688	Nguyễn Phương Nam	12A1	112	3.80	124	7.50	121	8.75	321	6.60	121	5.75						
31	001712	Giang Nguyễn Trường Duy	12A1	113	2.85	124	7.00	132	6.50	621	6.60	124	4.25						
32	001734	Lê Hoàng Anh Quốc	12A1	110	5.30	121	7.50	123	9.00	421	8.25	124	8.50						
33	001747	Nguyễn Hoàng Như Ý	12A1	110	4.60	121	8.00	131	9.25	221	7.35	212	9.00						
34	001770	Võ Việt Nam	12A1	111	4.35	122	6.25	131	8.75	621	8.00	122	6.00						
35	001783	Trần Minh Trí	12A1	110	4.85	121	6.75	133	8.75	221	7.00	312	6.25						
36	001792	Trần Quốc Bảo	12A1	113	6.25	123	6.75	121	8.50	321	9.50	124	9.50						
37	001819	Hồ Thanh Thư	12A1	112	3.20	121	6.25	121	8.25	121	5.50	124	5.50						
38	001850	Nguyễn Phan Minh Nhật	12A1	113	4.60	124	7.00	123	9.00	421	6.60	122	8.00						
39	001869	Phan Thị Vân Anh	12A1	111	4.80	124	8.00	124	9.50	221	8.50	022	3.00						
40	001895	Hồ Đắc Tài	12A1	110	4.20	124	7.00	132	8.50	821	9.25	124	6.25						
41	001908	Nguyễn Võ Mai Anh	12A1	110	3.15	123	6.25	131	8.50	621	9.25	123	6.75						
42	001929	Ngô Trần Yến Nhi	12A1	111	5.30	123	7.00	123	9.00	221	5.60	124	7.50						
43	001943	Lê Đình Minh Tuấn	12A1	110	5.00	123	7.25	121	8.50	421	6.50	123	8.25						
1	001273	Bùi Hoàng Gia Bảo	12A10	110	4.60	301	6.00	123	9.50	721	9.00					404	8.25	133	8.75
2	001317	Lưu Dương Huỳnh Anh	12A10	111	4.10	304	6.25	122	7.50	721	6.75					401	7.25	132	8.00
3	001441	Nguyễn Đình Thịnh Vượng	12A10	113	4.90	304	5.50	124	8.00	221	3.85					303	8.25	132	9.75
4	001546	Trần Nguyễn Gia Hưng	12A10	112	3.55	301	5.50	122	7.75	221	4.60					301	5.60	131	8.00
5	001665	Nguyễn Ngọc Lan Anh	12A10	112	3.20	303	8.00	134	9.00	621	9.00					302	8.75	134	7.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
6	001863	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12A10	113	2.55	303	7.00	122	6.50	821	7.00					404	7.60	132	9.50
7	001301	Nguyễn Thị Bích Thảo	12A10	113	4.60	121	7.75	134	9.50	621	9.00					402	8.25	134	9.75
8	001304	Võ Huỳnh Phương Thảo	12A10	110	4.80	122	6.50	133	9.00	621	8.50					403	8.75	132	8.25
9	001305	Ngô Thị Kiều Trang	12A10	112	3.40	121	6.50	132	9.75	521	8.50					402	7.85	134	10.00
10	001318	Trần Thị Kim Cẩm	12A10	112	3.30	124	6.00	121	5.75	821	8.50					402	6.00	123	6.60
11	001365	Nguyễn Thúy Hằng	12A10	112	4.30	121	7.75	121	8.00	621	8.75					404	7.35	121	6.25
12	001397	Lương Quang Vinh	12A10	110	2.55	122	7.00	124	7.75	821	6.00					404	8.50	124	7.00
13	001409	Phan Thị Ngọc Hân	12A10	110	5.25	122	6.75	121	9.50	421	8.10					403	8.75	131	8.00
14	001437	Đỗ Ngọc Bảo Trân	12A10	112	3.85	123	6.50	124	8.50	221	5.25					403	7.60	133	9.75
15	001457	Phạm Huy Hoàng	12A10	111	4.75	124	6.75	124	7.00	221	4.75					403	6.10	133	7.25
16	001492	Nguyễn Hà Vân Anh	12A10	113	3.90	124	7.00	122	9.00	621	8.75					404	7.25	122	7.75
17	001503	Trần Quang Huy	12A10	110	3.65	122	6.75	121	8.75	721	6.00					402	7.85	121	7.75
18	001524	Phạm Ngọc Thuận	12A10	113	3.60	123	7.25	123	5.75	621	7.10					403	7.10	122	7.50
19	001531	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	12A10	110	3.45	124	6.25	133	9.50	821	9.75					403	7.75	133	10.00
20	001567	Nguyễn Anh Thư	12A10	111	5.25	124	7.00	134	9.50	521	9.75					402	8.75	132	9.75
21	001594	Lê Chí Kiệt	12A10	110	4.55	122	7.25	121	8.75	421	5.75					403	8.00	131	9.00
22	001617	Trần Tường Vy	12A10	110	6.00	124	6.50	124	9.25	321	5.50					403	8.25	133	9.75
23	001638	Hồ Khánh Linh	12A10	112	3.15	121	6.75	134	9.50	621	9.50					302	7.25	122	6.10
24	001683	Nguyễn Phi Long	12A10	112	3.65	124	7.25	134	8.00	821	6.50					401	8.00	134	6.75
25	001725	Nguyễn Hoàng Tấn Lộc	12A10	111	5.00	121	6.25	124	8.75	221	5.75					302	7.85	124	7.10
26	001769	Phạm Thị Trà My	12A10	110	4.55	121	7.50	124	9.25	721	9.00					404	8.75	124	7.10
27	001779	Lê Thanh Thy	12A10	112	2.95	124	6.00	122	8.50	721	8.25					403	8.35	124	8.00
28	001809	Trương Hà My	12A10	112	3.90	123	7.25	131	8.00	621	8.75					304	7.50	121	6.60
29	001817	Trần Thị Thanh Tâm	12A10	111	3.90	122	7.00	134	10.00	821	6.00					402	7.75	132	8.25
30	001828	Trần Hà Việt Anh	12A10	111	5.25	124	5.25	131	9.75	721	6.00					402	8.25	134	8.75
31	001851	Trần Phạm Quỳnh Như	12A10	113	2.00	122	5.75	132	9.50	821	9.25					403	7.25	132	10.00
32	001856	Đào Duy Tân	12A10	110	4.30	123	6.50	123	8.75	521	9.25					402	7.25	123	7.50

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
33	001861	Lê Thị Mỹ Tiên	12A10	112	3.40	123	7.50	121	8.25	721	7.75					403	6.85	122	7.10
34	001865	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	12A10	111	3.35	124	7.25	131	9.00	521	5.75					301	7.50	121	7.25
35	001868	Đường Trần Bảo An	12A10	112	3.60	123	5.25	121	6.50	121	4.05					304	5.00	122	6.75
36	001894	Phan Ngọc Phương	12A10	113	2.75	122	6.75	132	9.00	721	5.70					404	5.35	131	5.75
37	001902	Nguyễn Hữu Tiến	12A10	110	5.25	123	5.75	123	9.00	421	6.35					404	8.00	133	9.00
38	001905	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	12A10	111	4.10	122	6.50	133	8.75	521	7.25					403	8.25	134	10.00
39	001934	Đào Ngọc Như Quỳnh	12A10	110	2.75	123	4.50	123	8.50	521	5.00					402	5.75	121	4.70
40	001941	Lê Trần Quốc Toàn	12A10	113	4.20	122	6.25	124	8.75	121	5.75					404	8.60	133	10.00
1	001306	Nguyễn Hoàng Bảo Trang	12A11	113	4.00	304	6.00	121	8.75	421	4.35					304	8.75	131	8.25
2	001307	Nguyễn Hồ Mai Trang	12A11	111	5.05	304	5.75	132	9.75	621	9.25					303	9.50	133	9.75
3	001402	Đoàn Hồng Anh	12A11	110	2.40	301	7.50	121	8.50	621	8.50					401	8.50	131	6.00
4	001672	Phan Minh Đạt	12A11	111	4.10	304	7.25	124	6.00	621	4.75					303	5.00	122	7.10
5	001791	Nguyễn Gia Bảo	12A11	112	4.75	304	7.25	134	9.00	621	9.25					303	8.50	134	9.75
6	001823	Cao Huỳnh Cát Tiên	12A11	111	2.65	304	7.00	131	9.25	821	8.25					301	7.50	134	8.50
7	001875	Phạm Cao Minh Hằng	12A11	111	2.20	301	8.00	122	9.00	721	9.50					304	8.25	122	8.00
8	001904	Phùng Ánh Tuyết	12A11	113	3.45	302	7.75	132	8.00	721	6.50					304	6.75	131	5.95
9	001945	Vũ Việt Văn	12A11	113	5.10	303	9.00	123	7.75	221	6.35					301	6.25	134	7.50
10	001277	Sử Thị Kim Cương	12A11	111	2.90	123	6.75	124	6.50	821	8.75					403	7.35	121	6.10
11	001293	Phạm Trung Nghĩa	12A11	112	4.75	123	7.50	131	10.00	821	10.00					401	9.00	131	10.00
12	001294	Võ Trang Trọng Nghĩa	12A11	113	2.60	123	6.50	121	7.75	721	6.75					403	6.85	121	5.75
13	001303	Phạm Thanh Thảo	12A11	111	3.20	124	6.75	131	9.25	521	8.50					401	8.25	133	9.00
14	001340	Lê Minh Ngọc	12A11	112	5.05	123	7.50	123	9.25	821	9.75					402	8.75	123	8.25
15	001360	Đàm Quốc Anh	12A11	113	2.75	124	7.25	122	7.50	521	6.10					402	8.75	124	7.75
16	001371	Hồ Thị Hồng Khanh	12A11	112	3.20	123	7.25	133	9.00	621	7.60					401	8.00	134	6.75
17	001377	Nguyễn Thị Ngọc Loan	12A11	110	4.15	122	7.00	132	9.50	621	8.75					403	9.75	131	9.25
18	001378	Võ Thị Hồng Loan	12A11	111	4.45	123	6.50	134	9.25	521	9.00					404	8.75	131	9.75
19	001388	Nguyễn Đức Thắng	12A11	113	3.50	122	7.00	132	9.75	721	8.50					404	8.35	134	9.00

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
20	001401	Đặng Quế Anh	12A11	113	3.90	124	7.00	132	9.75	521	8.10					402	8.25	131	10.00
21	001420	Bùi Quang Long	12A11	112	4.30	123	6.75	133	8.25	821	7.10					404	8.00	132	5.85
22	001464	Phan Nguyễn Thành Long	12A11	112	4.15	121	6.75	122	7.25	421	5.50					304	7.00	123	8.00
23	001466	Huỳnh Tấn Lộc	12A11	113	4.30	124	7.25	131	7.00	621	6.60					404	8.25	132	6.60
24	001472	Trương Ngọc Kim Phượng	12A11	112	4.15	123	6.00	132	9.25	821	9.00					403	7.85	133	9.25
25	001481	Lê Trung Trí	12A11	113	1.35	121	5.75	132	6.75	621	5.10					302	4.50	122	6.85
26	001482	Võ Minh Trí	12A11	112	4.60	124	6.75	124	8.00	721	5.85					404	7.10	124	5.60
27	001536	Nguyễn Ngọc Vân Anh	12A11	111	4.35	122	7.25	122	8.75	521	9.00					404	7.75	122	8.10
28	001576	Trần Phương Vy	12A11	111	3.70	122	6.25	124	8.50	521	8.75					404	7.35	123	8.75
29	001604	Nguyễn Thị Như Quyên	12A11	112	4.80	122	6.50	134	9.00	821	8.50					402	7.85	134	8.25
30	001678	Huỳnh Minh Huy	12A11	113	5.10	121	7.00	123	7.75	221	6.60					402	10.00	133	7.00
31	001689	Nguyễn Phương Nhi	12A11	111	4.10	124	6.50	131	9.75	821	9.50					404	8.75	131	9.75
32	001693	Trần Vũ Lâm Quỳnh	12A11	112	3.90	121	7.25	132	9.25	521	8.25					403	7.25	133	8.50
33	001711	Lâm Tấn Ân	12A11	111	4.10	122	6.50	134	7.25	721	6.75					403	7.75	134	8.00
34	001713	Nguyễn Hải Đăng	12A11	110	5.75	121	6.00	123	7.50	421	4.95					402	8.00	133	7.10
35	001716	Phạm Lê Hoàng Đức	12A11	113	3.65	124	6.25	122	7.50	121	5.20					304	5.50	123	5.60
36	001731	Đinh Thị Tâm Như	12A11	113	2.95	123	6.50	123	8.00	621	8.75					404	8.50	121	7.35
37	001732	Hứa Phúc Quỳnh Như	12A11	111	3.70	122	5.50	124	8.25	221	4.60					301	7.25	121	6.75
38	001742	Lê Ngọc Anh Thy	12A11	110	3.75	124	7.25	124	8.50	121	4.10					301	8.75	122	6.35
39	001786	Vũ Minh Tuấn	12A11	112	4.35	122	6.50	132	7.25	421	2.80					304	6.50	131	7.35
40	001808	Nguyễn Ngọc Trà My	12A11	111	2.80	121	7.00	131	6.25	721	5.25					402	5.85	132	6.25
41	001826	Huỳnh Minh Tuyền	12A11	110	4.10	121	6.75	132	9.50	521	9.25					403	9.10	133	10.00
42	001843	Nguyễn Hoàng Lâm	12A11	111	3.20	122	6.25	134	7.75	721	6.10					401	8.10	134	7.50
43	001880	Trần Thị Hương	12A11	112	3.65	121	6.50	133	8.75	821	7.75					401	8.50	134	9.75
44	001924	Ngô Nguyễn Khánh Linh	12A11	113	3.30	121	6.25	134	9.25	821	8.50					402	8.25	133	9.00
45	001936	Ngô Lê Phương Thảo	12A11	111	5.30	122	7.00	122	8.75	421	5.50					402	8.75	134	8.75
1	001342	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	12A12	112	4.20	303	6.75	134	8.75					122	8.75	304	8.75	131	9.00

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
2	001380	Nguyễn Minh Ngọc	12A12	111	3.15	302	6.25	121	8.75					213	9.25	301	8.75	133	7.75
3	001444	Đinh Trang Thanh Vy	12A12	111	5.25	302	5.75	121	8.50					212	8.75	302	9.25	131	9.50
4	001523	Nguyễn Huỳnh Đức Thuận	12A12	111	4.05	301	6.25	131	7.75					124	9.50	303	7.75	133	8.75
5	001540	Lê Ngọc Linh Đan	12A12	111	4.50	303	7.75	124	8.25					213	9.00	303	7.25	134	7.00
6	001550	Dương Văn Khoát	12A12	011	1.10	002	4.50	129	8.85					120	8.75	333	9.95	129	7.85
7	001795	Lê Thanh Hà	12A12	111	3.85	301	6.75	124	8.25					123	8.10	301	8.25	124	7.20
8	001276	Trần Thị Diệp Chi	12A12	110	3.20	123	6.25	133	9.00					123	7.50	403	7.10	134	8.75
9	001279	Ngô Khả Hân	12A12	112	3.70	124	6.50	121	7.50					211	8.50	302	6.75	124	6.35
10	001280	Nguyễn Lê Ngọc Hân	12A12	110	3.00	121	6.25	132	9.25					214	8.25	303	6.85	134	7.00
11	001288	Nguyễn Khánh Linh	12A12	110	2.50	121	7.50	133	9.25					124	9.25	401	7.25	133	8.25
12	001319	Hoàng Văn Cường	12A12	110	4.10	123	7.00	132	8.50					124	5.75	302	7.00	122	7.75
13	001347	Trương Thị Hồng Thắm	12A12	112	2.75	121	7.00	133	7.25					121	7.00	402	7.50	133	6.75
14	001417	Giảng Lâm Gia Khiêm	12A12	112	4.15	124	6.75	122	6.50					213	8.75	303	7.75	122	7.75
15	001427	Nguyễn Ngọc Mỹ Nhã	12A12	113	5.30	124	6.50	133	9.25					123	8.25	401	8.75	134	8.75
16	001452	Trần Ngọc Duy	12A12	011	1.51	002	4.50	129	9.75					120	10.00	333	9.85	129	6.00
17	001454	Mai Trọng Hiếu	12A12	110	4.75	124	7.00	132	7.50					121	9.50	404	8.50	134	9.25
18	001511	Nguyễn Minh Thiên Luân	12A12	112	3.35	123	7.00	123	8.50					123	7.85	404	8.00	124	8.10
19	001529	Nguyễn Hồ Phương Vy	12A12	113	3.05	124	6.75	132	8.75					124	9.00	402	8.75	132	8.00
20	001535	Nguyễn Ngọc Phương Anh	12A12	112	4.75	124	6.00	131	9.25					123	8.85	403	9.50	131	8.25
21	001544	Nguyễn Huỳnh Huy Hoàng	12A12	111	2.40	124	8.25	124	8.00					122	6.00	401	7.25	124	7.75
22	001545	Nguyễn Việt Minh Hoàng	12A12	110	3.75	122	7.25	133	8.00					123	7.75	401	6.85	132	5.60
23	001561	Vương Phú Quý	12A12	110	2.90	124	6.50	123	7.50					121	7.60	402	6.75	123	7.10
24	001564	Nguyễn Thị Kim Thùy	12A12	112	4.15	122	7.25	133	9.75					124	9.00	401	7.75	134	9.25
25	001590	Trần Mạnh Khôi	12A12	011	2.10	002	2.75	129	2.6					120	3.50	333	4.5	129	2.75
26	001592	Trần Huỳnh Sỹ Khương	12A12	113	2.65	121	7.75	132	7.75					123	8.00	401	6.75	133	7.50
27	001696	Cao Thanh Sáng	12A12	113	2.55	124	7.50	123	6.50					122	8.75	404	7.60	121	5.60
28	001700	Nguyễn Hoài Thương	12A12	113	3.90	121	6.50	133	9.00					123	9.25	403	8.50	132	7.45

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
29	001720	Phạm Lê Thái Huy	12A12	V	V	V	V	V	V					V	V	V	V	V	V
30	001723	Phan Hoàng Gia Kiệt	12A12	110	4.30	122	6.25	134	8.00					123	6.75	402	7.75	132	8.75
31	001751	Đặng Gia Bảo	12A12	111	2.90	122	6.25	122	7.75					211	9.00	304	6.00	121	6.00
32	001757	Phan Kim Chung Huy	12A12	113	4.75	122	7.25	134	9.25					124	8.50	402	8.85	131	8.50
33	001763	Võ Ngọc Thiên Kiều	12A12	111	2.85	124	7.25	131	8.75					121	7.50	403	6.85	134	8.75
34	001782	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	12A12	110	3.30	122	4.75	133	7.00					122	7.50	401	8.25	131	7.00
35	001837	Võ Duy Hạo	12A12	110	5.75	123	6.75	131	9.50					121	8.00	404	8.75	133	9.25
36	001848	Hoàng Duy Nam	12A12	110	5.30	121	6.00	133	9.25					121	9.50	401	7.75	133	9.50
37	001849	Đỗ Nguyệt Nga	12A12	111	4.15	123	7.25	132	8.25					122	7.50	301	7.10	123	7.25
38	001892	Trần Hưng Phát	12A12	112	3.45	123	6.50	133	9.50					123	7.50	402	8.75	134	9.25
39	001909	Phạm Băng Băng	12A12	111	3.75	123	6.00	133	8.75					124	9.50	404	7.10	132	8.50
40	001927	Nguyễn Ngọc Nghi	12A12	110	4.85	124	8.25	133	9.00					124	8.60	401	8.50	132	9.50
1	001322	Quách Thành Danh	12A13	111	4.05	302	6.25	124	8.50					123	7.75	304	5.00	122	6.95
2	001491	Nguyễn Đức Anh	12A13	113	5.55	304	7.50	121	8.75					122	9.50	301	7.75	124	7.35
3	001613	Nguyễn Phi Thành Trung	12A13	112	2.75	302	7.25	121	8.75					123	6.75	302	7.50	123	6.60
4	001704	Kha Quốc Tuấn	12A13	110	5.10	301	5.75	121	9.25					124	9.00	303	8.25	122	7.25
5	001778	Đặng Nguyễn Ngọc Tâm	12A13	110	5.75	303	6.75	124	9.25					123	9.00	304	9.00	124	7.85
6	001841	Lê Hoàng Gia Hưng	12A13	112	4.50	301	6.75	124	7.25					122	9.25	302	8.25	123	6.50
7	001873	Đỗ Nguyễn Hoài Băng	12A13	113	3.40	302	6.75	123	7.75					123	8.85	301	8.25	123	7.50
8	001888	Trần Tuyết Ngân	12A13	110	4.10	303	6.00	123	8.75					123	9.00	304	8.75	124	8.50
9	001923	Lê Thị Hà Linh	12A13	110	4.80	303	6.75	133	9.75					122	9.50	302	8.75	131	9.75
10	001275	Nguyễn Kim Chi	12A13	112	4.85	121	6.25	133	9.00					122	9.50	402	7.50	134	6.75
11	001290	Nguyễn Thị Nhật Linh	12A13	113	4.85	124	5.75	131	7.00					121	8.50	402	7.75	133	8.25
12	001291	Trịnh Xuân Nghi	12A13	111	2.80	122	5.75	132	8.00					122	6.35	302	7.75	122	4.75
13	001309	Hoàng Triệu Vi	12A13	113	4.20	122	5.75	121	9.25					121	8.00	404	7.25	123	7.35
14	001338	Hà Bảo Ngọc	12A13	111	3.35	121	6.50	124	7.75					121	8.25	404	6.75	124	7.35
15	001351	Hoàng Thùy Trâm	12A13	113	2.30	123	6.75	124	8.50					214	8.50	301	8.50	122	5.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
16	001369	Diệp Lê Sơn Hiệp	12A13	112	4.40	123	5.75	134	6.50					121	7.60	304	6.50	124	5.60
17	001373	Nguyễn Đức Khánh	12A13	110	3.20	124	6.75	131	5.50					122	6.75	301	6.50	123	7.00
18	001425	Vương Yến Ngọc	12A13	112	3.40	122	7.00	132	9.00					122	9.25	303	9.00	123	7.75
19	001445	Huỳnh Ngọc Anh	12A13	110	4.55	121	6.25	132	9.50					123	9.50	304	7.10	122	7.25
20	001543	Lê Nguyễn Minh Hoàng	12A13	113	4.60	121	6.00	133	7.50					123	8.10	301	7.50	121	6.25
21	001560	Trương Nhật Quý	12A13	111	3.80	121	6.25	121	8.75					122	9.50	404	7.35	122	6.75
22	001578	Nguyễn Tống Quỳnh Anh	12A13	110	3.15	121	7.00	134	5.50					121	7.50	302	6.25	122	6.00
23	001593	Nguyễn Trung Kiên	12A13	111	3.35	123	7.50	134	9.00					124	8.75	302	8.00	121	8.50
24	001597	Võ Thị Cẩm Ly	12A13	111	4.75	123	7.25	131	9.00					122	8.35	302	9.25	122	8.00
25	001631	Nguyễn Việt Hùng	12A13	113	2.95	123	5.50	123	8.75					122	7.25	404	7.25	123	6.75
26	001639	Nguyễn Thị Hoàng Mai	12A13	110	4.20	122	6.50	131	5.75					123	7.50	302	6.50	124	6.50
27	001644	Nguyễn Hồng Vân Nhi	12A13	112	3.10	124	6.25	123	8.00					121	5.35	402	8.50	123	7.00
28	001649	Đỗ Thanh Như Quỳnh	12A13	113	4.15	122	6.25	134	9.75					122	10.00	403	8.75	132	8.75
29	001658	Hứa Thị Cẩm Tú	12A13	110	3.10	121	6.50	133	7.25					123	6.25	402	7.25	133	7.75
30	001698	Võ Thị Anh Thư	12A13	111	5.00	123	7.00	133	9.50					121	9.25	404	7.50	133	9.50
31	001729	Phạm Hoàng Quang Minh	12A13	011	1.88	002	7.25	129	2.33					120	6.25	333	9.25	129	8.00
32	001764	Huỳnh Hoàng Kim	12A13	V	V	123	7.75	132	7.75					124	8.25	301	8.00	V	V
33	001774	Nguyễn Tùng Yến Như	12A13	112	3.80	122	6.75	133	10.00					122	10.00	401	7.75	132	9.00
34	001775	Nguyễn Tuấn Tài	12A13	112	2.50	123	6.00	132	7.25					121	7.35	302	6.60	121	5.50
35	001777	Trần Đức Tài	12A13	112	3.00	122	6.25	134	6.25					122	7.00	301	6.00	121	6.75
36	001780	Lê Trần Bảo Thy	12A13	113	4.20	121	6.75	134	9.25					122	8.00	402	7.25	132	8.00
37	001834	Nguyễn Hữu Hào	12A13	113	3.80	121	7.75	134	9.00					124	8.50	304	7.00	122	7.75
38	001842	Lê Thanh Lâm	12A13	111	4.35	122	7.25	131	7.25					123	8.75	301	8.25	123	7.50
39	001855	Lâm Đại Phát	12A13	110	4.30	122	6.75	132	9.25					123	7.85	404	7.70	131	8.25
40	001864	Nguyễn Hiếu Sơn Tuyền	12A13	111	3.85	122	6.75	121	9.25					124	9.25	402	6.75	122	8.25
41	001937	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	12A13	111	4.10	121	7.75	133	9.75					121	7.85	403	7.50	131	8.50
1	001298	Đặng Nguyễn Thanh Phúc	12A14	110	3.35	301	5.00	124	7.75					124	8.00	304	7.50	121	6.95

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
2	001324	Phạm Ngọc Hân	12A14	113	4.40	304	7.50	123	8.75					124	8.50	301	8.00	121	8.35
3	001426	Lê Nguyễn	12A14	113	5.50	304	6.25	124	10.00					211	9.00	302	7.25	134	7.50
4	001516	Nguyễn Trọng Nhân	12A14	113	5.10	301	7.50	134	9.25					123	8.75	303	8.25	131	9.75
5	001526	Đông Kim Trúc	12A14	110	4.05	302	6.25	122	9.00					121	8.50	302	7.50	124	8.60
6	001710	Trương Ngọc Ánh	12A14	112	2.80	304	4.50	133	6.00					123	5.75	303	7.00	131	6.50
7	001714	Trần Hiếu Đông	12A14	112	2.80	301	6.25	124	7.75					124	7.50	302	5.60	121	8.25
8	001722	Phạm Hoàng Anh Kiệt	12A14	112	3.20	304	6.00	131	7.50					122	7.50	304	7.50	134	8.00
9	001896	Nguyễn Tuấn Thành	12A14	110	2.40	303	7.50	134	8.00					124	6.00	303	5.75	133	7.00
10	001292	Nguyễn Minh Nghĩa	12A14	110	2.95	121	5.25	134	8.25					123	7.50	303	6.75	122	7.85
11	001316	Bùi Minh Anh	12A14	111	3.85	122	7.25	134	9.75					123	8.00	304	8.25	123	8.50
12	001330	Trần Tuấn Khang	12A14	112	3.20	123	7.00	134	8.75					122	9.25	303	6.00	121	8.25
13	001334	Phạm Thị Mỹ Linh	12A14	110	4.85	123	6.25	122	8.50					123	8.50	403	8.25	124	8.25
14	001349	Trần Thị Thùy Trang	12A14	111	3.65	122	7.50	133	9.50					124	7.25	401	6.75	134	6.10
15	001363	Nguyễn Hiền Diệu	12A14	112	3.00	123	6.75	121	8.00					122	8.00	402	7.50	121	7.20
16	001375	Trần Khánh Linh	12A14	112	3.05	121	6.25	132	6.75					121	5.50	401	7.50	132	7.00
17	001386	Lê Nguyễn Thị Phương	12A14	111	2.00	121	4.00	133	6.00					124	6.50	302	4.25	124	7.00
18	001431	Nguyễn Trần Uyên Phương	12A14	110	3.65	121	7.25	134	6.50					123	9.10	302	7.00	123	8.25
19	001446	Huỳnh Trần Trâm Anh	12A14	111	4.30	123	6.00	133	9.50					124	9.00	303	7.50	121	7.60
20	001515	Nguyễn Trần Minh Nhân	12A14	113	5.30	124	7.75	133	10.00					122	8.75	403	8.50	132	8.50
21	001520	Nguyễn Thị Ngọc Quý	12A14	113	2.30	124	6.00	131	5.50					121	6.00	303	6.25	123	6.50
22	001532	Nguyễn Ngọc Yến Vy	12A14	113	3.50	124	6.75	133	9.50					121	8.75	301	9.00	121	7.95
23	001558	Lê Anh Nhật	12A14	113	2.50	122	6.50	132	8.25					123	6.50	303	6.50	122	6.35
24	001575	Trần Nguyễn Phương Vy	12A14	111	3.30	123	6.25	131	7.75					124	7.25	303	6.25	121	8.50
25	001602	Lê Nguyễn Thanh Nhi	12A14	111	4.60	121	7.00	121	8.75					213	8.75	303	5.75	121	6.75
26	001616	Đinh Cẩm Tú	12A14	112	4.35	122	6.25	132	4.25					124	6.50	304	6.75	122	7.75
27	001633	Hà Nguyễn Quốc Huy	12A14	112	5.05	123	7.50	121	7.50					214	8.00	301	6.25	123	7.50
28	001641	Trần Minh Mạnh	12A14	111	3.90	124	7.00	122	8.25					211	8.50	303	8.50	124	6.85

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
29	001648	Lê Khả Quyết	12A14	110	3.90	123	6.00	133	4.50					123	3.60	304	6.50	124	6.75
30	001650	Nguyễn Trần Như Quỳnh	12A14	111	4.10	124	6.25	131	9.25					121	9.10	304	8.75	121	7.50
31	001736	Bùi Thành Tài	12A14	113	3.95	124	7.25	133	6.25					123	8.00	304	8.50	123	6.00
32	001745	Phan Hoàng Anh Tuấn	12A14	113	4.85	124	7.25	134	8.50					122	8.00	301	8.50	122	8.00
33	001758	Phan Nguyễn Gia Huy	12A14	111	3.40	122	7.75	134	7.50					121	7.50	303	7.60	124	7.25
34	001766	Vũ Quốc Minh	12A14	111	3.20	124	6.75	131	8.00					121	9.00	404	7.00	134	7.75
35	001802	Nguyễn Hoàng Thiên Lam	12A14	113	3.50	124	6.50	121	8.75					122	9.25	401	7.35	123	8.50
36	001813	La Phi Pháp	12A14	110	3.65	123	6.75	134	8.50					124	7.50	303	7.25	122	7.60
37	001845	Lâm Tử Lâm	12A14	112	4.35	121	6.50	132	9.50					121	8.75	402	9.25	132	9.50
38	001847	Nguyễn Thị Trà My	12A14	113	5.10	122	7.75	133	9.75					124	9.50	303	9.00	122	8.50
39	001870	Trần Quốc Bảo	12A14	110	3.75	122	7.50	133	5.50					122	8.50	303	7.25	124	5.35
40	001898	Đào Nguyễn Phương Thảo	12A14	111	3.65	121	6.25	131	6.75					121	6.75	401	7.00	132	4.75
41	001910	Trần Bảo Hoài Băng	12A14	111	3.20	122	7.00	123	7.50					121	7.25	402	7.50	121	7.60
42	001931	Nguyễn Chiến Phong	12A14	112	3.15	121	7.00	132	7.00					122	7.35	302	7.50	124	7.35
1	001359	Dương Trần Lan Anh	12A15	113	5.05	302	5.75	122	8.50					124	6.85	301	6.00	124	6.75
2	001389	Phạm Huy Thắng	12A15	110	5.75	301	8.00	123	8.75					123	9.50	303	8.75	123	8.50
3	001443	Đặng Hoàng Yến Vy	12A15	112	4.30	301	6.25	134	9.25					122	9.25	302	9.00	022	3.75
4	001539	Trần Văn Đại	12A15	113	4.40	303	6.50	124	7.75					122	9.25	302	7.25	124	7.50
5	001580	Nguyễn Trương Quốc Anh	12A15	111	2.95	301	7.75	123	7.75					214	8.00	304	4.85	132	4.85
6	001642	Cao Trần Tuấn Minh	12A15	110	4.05	303	7.50	124	8.50					122	9.00	303	7.75	122	8.75
7	001653	Nguyễn Thị Anh Thư	12A15	110	4.55	303	6.00	123	9.50					122	8.75	303	8.75	123	7.75
8	001756	Nguyễn Trường Giang	12A15	113	3.50	304	6.50	124	7.75					121	7.00	303	7.35	121	6.25
9	001824	Lê Thanh Tùng	12A15	113	2.50	302	6.75	124	8.00					123	8.00	302	7.25	121	5.75
10	001866	Phạm Thị Mộng Tuyền	12A15	110	3.80	303	7.00	121	8.25					122	6.25	302	6.10	123	4.00
11	001886	Lư Trần Thu Ngân	12A15	111	2.60	304	6.75	124	7.25					123	9.00	303	7.35	121	7.25
12	001907	Trương Ngọc Phương Uyên	12A15	112	4.75	301	7.50	124	10.00					123	9.00	302	8.75	123	8.75
13	001938	Nguyễn Thanh Thảo	12A15	113	3.00	302	6.25	122	9.25					121	8.75	303	7.75	123	8.00

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
14	001269	Bùi Văn An	12A15	112	4.10	121	6.75	123	8.75					121	9.75	403	8.25	121	7.85
15	001333	Nguyễn Thùy Linh	12A15	113	4.25	124	7.25	131	9.25					124	8.25	402	8.25	132	9.50
16	001352	Huỳnh Nguyễn Gia Trâm	12A15	111	3.20	124	6.25	132	6.25					124	8.10	304	5.60	121	5.20
17	001356	Lê Đức Vinh	12A15	113	4.05	122	6.75	131	9.50					123	8.25	303	8.60	121	6.75
18	001376	Vũ Hải Linh	12A15	110	4.80	122	5.75	122	8.50					122	7.75	401	7.25	121	7.35
19	001413	Lê Minh Hiếu	12A15	112	3.85	121	6.00	121	8.50					214	9.25	302	6.75	123	7.50
20	001460	Nguyễn Đan Khoa	12A15	112	5.75	124	6.50	133	9.00					121	8.50	301	8.50	121	8.50
21	001496	Lâm Trần Tùng Dương	12A15	111	3.35	124	8.00	133	9.25					123	7.75	403	6.85	133	8.50
22	001514	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	12A15	111	4.35	122	6.25	122	8.50					212	7.50	301	7.75	122	6.35
23	001569	Nguyễn Trọng Thanh Trúc	12A15	110	3.60	123	7.00	131	9.25					121	8.25	303	6.85	124	8.00
24	001584	Ngô Quốc Đạt	12A15	112	4.50	123	6.75	134	7.50					122	8.00	301	7.35	123	5.60
25	001620	Đoàn Gia Vỹ	12A15	110	3.20	121	6.75	132	9.75					124	8.00	301	6.50	121	6.85
26	001660	Nguyễn Việt Tú	12A15	111	3.00	122	6.25	124	6.50					124	6.75	401	4.75	122	7.10
27	001702	Trần Lê Anh Tú	12A15	112	5.05	122	5.75	132	9.50					121	9.00	304	8.00	124	9.10
28	001717	Lê Nguyễn Bảo Huy	12A15	111	3.65	122	5.50	121	7.25					123	5.50	404	6.10	123	7.10
29	001730	Dương Quỳnh Như	12A15	113	3.80	122	7.50	123	8.50					214	8.50	302	7.50	124	6.75
30	001735	Nguyễn Ngọc Sương	12A15	111	4.25	121	6.75	131	10.00					121	8.50	303	7.50	124	7.75
31	001743	Nguyễn Đình Tuấn	12A15	110	4.50	122	5.75	122	6.75					122	8.75	403	7.25	123	6.35
32	001746	Phan Hoàng Anh Tuấn	12A15	110	4.35	124	6.50	132	9.75					123	8.85	302	7.50	123	7.25
33	001759	Phan Nguyễn Gia Huy	12A15	113	3.90	121	6.25	131	8.25					124	8.00	401	6.50	132	4.35
34	001781	Ngô Bảo Thy	12A15	113	5.10	122	6.75	132	9.50					123	8.75	302	8.25	121	7.50
35	001793	Phùng Thị Quỳnh Giao	12A15	110	3.85	121	7.00	133	9.50					124	9.50	404	8.00	134	9.50
36	001794	Trần Thị Ngọc Giàu	12A15	110	4.30	124	7.75	123	8.25					123	8.00	403	6.50	124	5.10
37	001806	Nguyễn Hồng Thảo My	12A15	110	3.65	122	6.50	134	9.25					123	8.10	404	6.75	133	8.50
38	001827	Lê Thị Thanh Tuyền	12A15	110	4.55	122	7.50	121	9.50					211	9.25	404	8.00	131	8.75
39	001889	Vũ Hoàng Kim Ngân	12A15	113	4.05	121	6.25	131	9.75					122	9.25	302	7.75	122	6.00
40	001916	Lâm Bảo Hân	12A15	110	4.05	123	6.75	134	9.75					124	9.50	303	8.60	122	7.25

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
1	001344	Tạ Hoàng Phúc	12A16	110	3.20	303	6.25	122	8.00					122	7.00	401	6.50	134	5.75
2	001434	Bùi Lâm Thái Thịnh	12A16	113	3.65	302	9.50	124	9.00					213	9.00	304	8.35	131	8.75
3	001455	Nguyễn Đức Hiếu	12A16	112	3.80	303	7.50	122	9.00					124	8.50	303	7.35	124	9.00
4	001456	Phan Minh Hiếu	12A16	112	4.80	303	7.75	123	9.00					212	9.00	301	8.00	134	8.25
5	001547	Trần Trọng Đăng Khoa	12A16	110	4.55	304	8.25	133	9.75					122	8.75	302	8.50	134	8.00
6	001822	Vũ Huỳnh Bảo Thy	12A16	112	3.75	301	7.00	122	8.75					122	8.25	303	7.25	123	7.75
7	001883	Cao Thanh Liêm	12A16	112	2.95	304	7.25	123	8.25					122	8.50	401	8.75	131	6.50
8	001278	Lê Gia Hân	12A16	113	5.25	122	7.00	122	9.50					121	9.00	404	8.60	124	7.50
9	001283	Lương Hoàng Gia Khang	12A16	110	4.20	123	6.50	124	9.00					122	9.00	401	7.75	124	9.25
10	001379	Nguyễn Hoàng Thanh Ngọc	12A16	111	4.55	123	6.75	121	8.50					122	9.00	402	7.35	122	6.50
11	001390	Nguyễn Hoàng Thuận Thiên	12A16	111	3.15	123	7.00	124	9.00					124	8.50	401	8.00	121	7.25
12	001392	Nguyễn Ngọc Trâm	12A16	111	5.25	123	7.00	123	8.50					123	8.75	402	8.10	122	7.75
13	001448	Ngô Thị Lan Anh	12A16	112	3.20	121	6.00	123	8.25					124	9.00	402	7.50	123	6.25
14	001489	Nguyễn Bá Vân Anh	12A16	110	4.00	121	6.75	124	7.75					124	7.75	402	6.25	121	6.25
15	001502	Phạm Trọng Hòa	12A16	111	2.25	124	6.50	121	8.00					122	9.50	404	7.25	123	6.35
16	001519	Lê Hoàng Phú Quý	12A16	111	4.75	122	7.00	124	7.75					123	8.50	401	7.35	121	5.00
17	001551	Trương Hoàng Luân	12A16	113	2.95	122	7.50	123	7.75					123	7.50	401	6.60	121	7.35
18	001573	Nguyễn Phan Tường Vy	12A16	112	5.25	124	6.75	122	8.25					212	9.00	302	8.25	121	7.75
19	001582	Nguyễn Kim Đào	12A16	113	4.25	124	7.25	131	9.75					124	7.60	401	6.35	134	5.50
20	001587	Trần Minh Hoàng	12A16	111	5.25	124	8.00	122	8.00					212	9.00	304	8.50	124	7.60
21	001591	Lê Thị Minh Khuê	12A16	113	4.65	121	6.00	133	9.50					121	9.10	402	7.75	132	7.50
22	001595	Nguyễn Diệu Khánh Ly	12A16	113	3.80	124	6.75	122	8.50					121	7.85	403	8.25	124	6.85
23	001645	Nguyễn Lê Yên Nhi	12A16	110	3.20	123	6.75	123	9.00					124	8.75	401	7.75	121	7.85
24	001656	Trần Minh Thư	12A16	111	5.75	123	7.25	122	9.75					121	9.50	404	8.75	122	8.10
25	001662	Nguyễn Ngọc Như Ý	12A16	110	3.75	122	7.25	132	9.25					122	8.75	402	7.85	131	10.00
26	001673	Trần Lê Thành Đạt	12A16	011	1.18	002	5.25	129	6.75					120	6.75	333	5	129	6.50
27	001695	Đặng Phước Sang	12A16	113	3.35	123	6.50	124	7.25					124	6.75	402	6.75	121	5.50

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
28	001708	Nguyễn Ngọc Ánh	12A16	110	3.35	121	6.50	122	7.25					122	8.50	401	6.35	121	5.60
29	001744	Nguyễn Hữu Minh Tuấn	12A16	111	3.75	122	7.75	121	8.50					123	7.50	403	5.75	122	7.45
30	001761	Tô Tuấn Kiệt	12A16	111	3.00	124	6.50	124	8.25					121	6.25	404	7.50	121	5.50
31	001771	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	12A16	113	4.00	124	6.75	123	8.75					124	7.85	403	7.25	122	7.00
32	001798	Trần Gia Huy	12A16	112	5.35	123	7.50	131	7.25					121	8.00	402	8.35	133	7.00
33	001815	Đông Thị Hào Tâm	12A16	110	2.55	124	7.00	122	6.75					121	4.00	403	5.75	124	6.00
34	001816	Trần Huỳnh Tâm	12A16	111	4.60	122	7.50	133	9.75					124	8.50	401	7.60	133	10.00
35	001833	Trần Gia Bảo	12A16	112	5.30	123	6.50	134	9.25					124	9.00	404	7.50	131	8.00
36	001844	Trần Nguyễn Sơn Lâm	12A16	112	4.10	124	7.75	122	8.75					124	8.50	404	7.75	122	7.25
37	001879	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	12A16	110	3.65	121	6.75	134	9.25					121	8.85	304	7.00	123	7.00
38	001887	Phạm Hoàng Kim Ngân	12A16	112	3.60	121	8.00	134	7.00					124	8.25	401	7.25	133	7.00
39	001930	Bùi Trà Gia Phi	12A16	011	0.85	002	6.50	129	10					120	9.50	333	9.6	129	7.50
1	001468	Phan Ngọc Thanh Nhân	12A2	112	2.95	303	6.75	134	8.25	721	5.50	112	8.75						
2	001479	Trần Quốc Thịnh	12A2	111	6.80	302	8.25	121	9.50	221	7.75	312	9.75						
3	001501	Vũ Minh Hiếu	12A2	110	4.25	304	7.00	131	6.25	621	7.00	312	5.25						
4	001538	Nguyễn Thị Thùy Dương	12A2	112	4.35	302	7.25	134	9.00	821	6.75	312	7.00						
5	001556	Phạm Hoàng Minh Nhân	12A2	110	3.35	302	4.75	124	8.25	221	4.45	412	5.50						
6	001598	Đàm Thị Thanh Mai	12A2	113	3.10	304	6.00	132	8.50	821	8.50	112	5.50						
7	001655	Trần Hoàng Song Thư	12A2	113	4.50	301	8.00	124	9.25	721	10.00	122	9.50						
8	001664	Trần Nguyễn Như Ý	12A2	110	4.15	302	7.00	121	9.00	121	5.60	212	8.25						
9	001682	Nguyễn Văn Kiệt	12A2	110	1.95	301	6.25	121	6.75	421	5.00	212	5.00						
10	001687	Lê Minh	12A2	112	3.90	304	6.25	133	9.00	521	8.25	212	6.75						
11	001750	Lê Xuân Bách	12A2	113	3.15	302	6.75	124	6.25	121	3.45	312	6.25						
12	001755	Đặng Hoàng Gia	12A2	110	3.70	301	6.25	122	7.50	821	8.00	123	7.50						
13	001801	Nguyễn Hoàng Lam	12A2	112	3.35	302	5.50	121	8.00	421	3.25	312	6.75						
14	001825	Tạ Đức Tùng	12A2	112	4.05	303	6.75	123	7.50	121	5.00	112	6.00						
15	001830	Nguyễn Gia Bảo	12A2	113	3.40	304	5.50	124	8.75	221	4.60	312	7.25						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
16	001270	Huỳnh Khánh An	12A2	110	2.50	122	6.75	123	8.00	321	5.25	121	7.50						
17	001272	Lương Triều An	12A2	113	3.90	122	7.25	122	7.50	221	5.75	121	7.75						
18	001328	Nguyễn Văn Đình Khang	12A2	111	2.75	122	6.25	131	5.25	321	2.00	312	5.00						
19	001345	Đào Thị Hồng Thắm	12A2	110	5.50	124	6.75	124	8.75	121	4.85	124	9.00						
20	001372	Trần Nhật Khanh	12A2	110	4.80	124	7.00	123	9.25	421	5.35	122	8.50						
21	001407	Lê Khánh Duy	12A2	113	4.90	121	6.50	122	9.00	321	5.35	124	8.75						
22	001415	Phạm Duy Khánh	12A2	111	4.35	123	7.25	124	9.25	421	5.25	122	8.75						
23	001451	Phan Nhật Duy	12A2	113	3.05	122	5.00	122	7.25	321	5.00	122	7.00						
24	001459	Huỳnh Đăng Khoa	12A2	112	3.50	121	7.25	123	8.50	321	5.35	121	8.75						
25	001554	Huỳnh Thị Trúc Ly	12A2	110	5.05	122	6.75	123	8.00	121	6.00	123	8.25						
26	001621	Nguyễn Tuấn Anh	12A2	112	4.80	122	7.75	121	9.00	221	6.75	121	6.50						
27	001630	Nguyễn Phi Hùng	12A2	112	5.30	121	7.00	122	8.25	421	5.60	122	8.00						
28	001636	Trần Trung Kiên	12A2	113	3.80	121	7.00	123	4.75	121	4.60	122	5.75						
29	001643	Lê Uyên Nhi	12A2	113	5.55	123	7.50	121	8.75	321	6.25	123	8.75						
30	001646	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12A2	111	5.30	121	6.75	122	8.50	421	7.35	123	9.25						
31	001676	Hoàng Quang Huy	12A2	111	3.15	121	7.25	122	8.50	121	5.00	121	5.50						
32	001726	Lê Nhật Minh	12A2	111	3.15	124	6.25	123	4.25	121	5.00	122	7.00						
33	001741	Hà Bảo Thy	12A2	113	4.30	121	7.00	121	8.50	321	4.75	122	7.75						
34	001797	Thái Gia Huy	12A2	111	3.45	123	6.75	121	8.75	421	5.00	121	6.75						
35	001803	Nguyễn Hữu Lam	12A2	113	3.00	123	6.00	134	9.75	321	5.75	412	7.50						
36	001854	Đào Tấn Phát	12A2	113	3.50	124	7.25	121	8.75	321	3.45	124	6.75						
37	001860	Lê Thị Cẩm Tiên	12A2	110	4.55	124	7.50	122	8.00	121	5.60	121	8.50						
38	001862	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	12A2	113	3.00	121	7.00	122	9.00	221	3.60	122	6.75						
39	001890	Phạm Tiến Phát	12A2	113	4.30	124	6.50	121	8.50	221	6.00	124	7.25						
40	001906	Phan Thị Diệu Uyên	12A2	112	5.30	122	6.75	124	8.25	121	4.95	122	7.50						
41	001914	Hà Trọng Hân	12A2	110	3.15	122	5.50	122	8.75	121	3.75	124	6.75						
42	001932	Nguyễn Minh Tấn Phong	12A2	113	5.05	124	7.00	124	9.00	321	4.60	122	8.75						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
43	001933	Nguyễn Việt Phong	12A2	113	4.35	122	7.00	124	9.00	221	5.50	121	8.75						
44	001935	Liên Phạm Phương Thảo	12A2	110	4.55	124	6.75	121	8.25	121	5.00	123	7.50						
1	001406	Huỳnh Hải Duy	12A3	113	5.75	304	8.25	123	9.00	321	5.75	112	6.00						
2	001470	Lê Nguyễn Anh Nhân	12A3	112	5.30	303	8.25	124	8.75	421	7.00	112	9.00						
3	001498	Trần Minh Hiếu	12A3	111	4.00	303	8.25	121	7.50	421	5.00	212	6.00						
4	001570	Võ Thanh Trúc	12A3	110	3.15	304	6.25	121	8.50	221	5.50	112	5.75						
5	001637	Trần Trung Kiên	12A3	113	5.85	304	6.50	121	9.75	221	6.75	112	8.00						
6	001699	Đỗ Nguyễn Hoài Thương	12A3	111	2.95	303	5.50	124	8.75	321	4.00	112	6.00						
7	001804	Nông Trúc Lam	12A3	110	4.00	304	7.25	123	8.25	421	5.25	112	7.50						
1	001882	Nguyễn Hoài Lê	12A3	112	5.30	301	6.50	121	8.75	321	6.50	212	5.75						
2	001282	Dương Duy Khang	12A3	113	4.85	124	7.00	121	9.75	221	6.50	122	7.75						
3	001310	Huỳnh Ngọc Phương Vi	12A3	111	4.15	124	7.00	133	7.25	221	4.50	312	6.00						
4	001350	Đặng Thùy Trâm	12A3	112	4.55	122	7.50	122	8.50	121	5.50	121	5.00						
5	001411	Hồ Hoàng Hiếu	12A3	113	3.20	124	7.50	124	7.00	221	6.00	121	6.00						
6	001422	Huỳnh Phi Long	12A3	111	4.10	121	6.75	131	9.50	721	9.00	123	4.75						
7	001435	Đỗ Ngọc Thịnh	12A3	111	3.75	122	7.25	133	9.75	221	5.00	412	8.25						
8	001439	Bùi Cao Trí	12A3	113	3.00	124	7.25	121	7.75	321	4.10	122	4.25						
9	001449	Nguyễn Bảo Duy	12A3	112	3.00	123	6.75	134	9.25	821	9.25	124	5.00						
10	001462	Quách Ngọc Đăng Khoa	12A3	110	4.45	124	7.25	123	8.25	121	5.10	123	6.25						
11	001480	Hà Nguyễn Anh Thơ	12A3	111	3.40	121	7.00	134	8.50	521	7.10	121	5.00						
12	001494	Chu Nguyễn Thùy Duyên	12A3	110	4.80	124	7.75	121	8.50	421	4.25	123	7.25						
13	001507	Trần Hoàng Anh Khoa	12A3	110	5.75	121	7.00	121	8.75	421	5.75	121	8.25						
14	001508	Trần Nguyễn Quang Lộc	12A3	112	3.90	121	6.50	121	7.50	421	4.85	123	6.00						
15	001510	Nguyễn Hoàng Luân	12A3	113	4.60	122	7.50	122	9.50	321	4.60	124	5.00						
16	001530	Nguyễn Khánh Vy	12A3	112	5.05	121	7.00	124	8.25	121	7.60	121	8.50						
17	001596	Phạm Thị Trúc Ly	12A3	113	4.15	121	7.75	134	9.50	121	6.00	412	7.25						
18	001601	Kiều Hoàng Hoài Nhi	12A3	113	5.30	123	6.75	123	9.00	121	7.75	122	6.50						

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
19	001626	Nguyễn Thành Đạt	12A3	113	4.60	121	6.75	121	8.50	121	8.00	121	7.25						
20	001632	Bùi Gia Huy	12A3	111	2.95	124	7.75	132	8.75	521	6.60	121	5.50						
21	001635	Trần Hiếu Kiên	12A3	111	3.80	122	6.00	124	9.25	321	6.60	122	6.50						
22	001674	Võ Tiến Đạt	12A3	111	3.75	124	7.00	131	8.50	221	6.25	112	5.75						
23	001675	Hoàng Nguyễn Bảo Huy	12A3	112	5.00	122	5.75	134	9.50	721	9.50	121	5.50						
24	001686	Lai Gia Minh	12A3	112	5.50	121	7.25	122	9.00	421	6.75	121	6.75						
25	001692	Trịnh Lê Yến Nhi	12A3	111	3.90	124	7.00	121	8.50	321	5.35	122	5.75						
26	001740	Giang Ngọc Bảo Thy	12A3	111	5.25	123	7.75	121	8.25	221	6.00	121	5.75						
27	001748	Lương Duy Ân	12A3	112	3.35	123	6.25	123	8.50	321	7.10	122	5.75						
28	001749	Trần Tạ Thiên Ân	12A3	113	2.20	124	6.75	133	6.50	421	5.00	212	5.25						
29	001754	Bùi Lê An Gia	12A3	112	4.35	121	6.50	123	8.75	321	6.50	123	6.50						
30	001784	Phan Quốc Tuấn	12A3	111	3.65	121	6.50	131	9.50	121	7.25	312	6.50						
31	001787	Dương Huỳnh Thanh Tùng	12A3	110	4.10	124	7.00	123	9.25	121	6.35	123	6.00						
32	001799	Trần Quốc Huy	12A3	112	5.75	123	6.50	122	8.25	221	5.95	122	7.75						
33	001818	Võ Hoàng Minh Tâm	12A3	112	3.65	124	6.00	133	5.25	521	5.60	124	4.50						
34	001832	Phan Gia Bảo	12A3	112	3.40	122	7.00	133	9.00	421	5.60	412	6.25						
35	001876	Cao Ngọc Gia Hân	12A3	111	2.35	124	6.75	131	8.75	221	4.35	212	5.50						
36	001884	Trần Thị Mỹ Liên	12A3	113	3.70	124	7.25	132	8.75	621	7.50	123	5.50						
37	001901	Lê Anh Tiến	12A3	112	5.75	124	7.00	122	7.50	121	7.75	122	8.75						
1	001274	Nguyễn Đăng Sơn Ca	12A4	112	5.00	301	6.75	123	7.50	321	4.25	212	6.50			302	8.75		
2	001398	Nguyễn Văn Vinh	12A4	110	4.60	301	7.50	123	8.50	221	5.50	212	6.25			302	9.10		
3	001840	Nguyễn Khánh Huyền	12A4	111	4.85	301	6.50	123	8.25	421	5.75	412	7.50			304	8.75		
4	001925	Bùi Ngọc Bảo Nghi	12A4	011	0.50	002	5.75	129	9.7	123	0	120	8.00			333	9.95		
5	001289	Nguyễn Khánh Linh	12A4	112	5.50	123	5.75	122	9.25	721	9.25	122	9.50			404	9.00		
6	001296	Đỗ Huỳnh Tuấn Phú	12A4	112	4.45	124	6.75	131	8.00	821	7.50	412	5.75			404	8.50		
7	001329	Nguyễn Việt Khang	12A4	113	2.75	124	6.25	131	7.00	821	6.60	212	4.00			403	6.00		
8	001336	Trần Đăng Trúc Linh	12A4	110	3.90	124	6.75	133	9.50	721	8.00	312	4.25			403	7.75		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
9	001366	Đặng Thị Thu Hiền	12A4	112	3.65	121	6.00	121	8.50	121	5.35	121	7.50			302	7.35		
10	001387	Nguyễn Duy Phương	12A4	113	5.10	122	5.25	122	7.50	121	5.60	123	8.50			301	9.00		
11	001395	Trần Ngọc Trâm	12A4	113	5.25	124	7.00	123	9.50	421	5.50	124	8.50			304	9.50		
12	001403	Đoàn Tuấn Anh	12A4	110	3.90	121	5.25	122	7.75	421	4.60	122	7.75			303	8.75		
13	001430	Nguyễn Thanh Phương	12A4	110	5.50	122	6.75	122	9.00	421	6.00	112	7.25			402	7.85		
14	001473	Lê Hồng Quang	12A4	111	5.30	122	7.50	132	9.50	221	5.75	212	7.75			302	9.10		
15	001475	Phạm Vũ Minh Quang	12A4	111	6.00	122	6.75	121	8.75	321	6.25	121	9.50			301	9.00		
16	001484	Nguyễn Ngọc Trinh	12A4	113	4.60	123	7.75	122	9.50	321	5.50	121	9.00			303	9.50		
17	001495	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12A4	113	4.80	122	8.00	134	8.75	521	9.00	212	6.50			403	8.75		
18	001497	Lê Đăng Dương	12A4	110	5.30	121	6.50	124	8.00	121	4.25	124	8.00			302	7.50		
19	001504	Trần Anh Khoa	12A4	112	2.35	123	6.50	132	9.50	621	7.60	112	5.50			401	8.10		
20	001518	Nguyễn Anh Quốc	12A4	110	4.40	121	6.25	121	6.50	421	4.75	121	6.75			304	8.75		
21	001521	Bùi Minh Thuận	12A4	112	3.90	123	7.25	132	9.25	721	9.25	312	7.25			403	8.50		
22	001525	Võ Hữu Trọng	12A4	110	4.10	124	6.75	121	9.00	321	4.50	124	7.25			304	8.25		
23	001527	Lê Thị Hồng Trúc	12A4	111	6.00	121	6.75	134	9.00	721	9.25	412	6.00			404	8.60		
24	001568	Nguyễn Thị Thanh Trúc	12A4	110	2.15	122	6.50	132	8.25	821	8.00	112	5.25			404	9.00		
25	001571	Lê Minh Trung	12A4	113	5.05	121	7.25	122	8.25	121	4.95	121	8.75			303	8.75		
26	001588	Nguyễn Thị Kim Hồng	12A4	110	5.30	122	7.50	122	9.00	421	7.25	122	8.50			303	8.85		
27	001615	Ngô Quốc Trường	12A4	112	5.50	123	5.50	121	8.00	221	5.75	122	6.25			303	8.75		
28	001627	Nguyễn Thành Đạt	12A4	111	3.40	122	7.00	131	9.50	521	7.50	412	5.75			401	7.50		
29	001666	Trần Lan Anh	12A4	110	5.50	124	7.00	124	8.25	221	5.10	123	8.25			304	8.50		
30	001680	Nguyễn Cao Anh Kiệt	12A4	112	5.25	121	5.50	124	7.00	321	4.35	122	6.50			301	8.00		
31	001690	Nguyễn Quỳnh Nhi	12A4	110	6.25	123	8.25	121	8.75	421	7.25	122	8.75			301	9.50		
32	001706	Nguyễn Ngọc Hải Yến	12A4	011	0.86	002	6.25	129	9.35	123	0	120	8.25			304	5.75		
33	001715	Nguyễn Hữu Minh Đức	12A4	110	2.95	123	6.25	131	7.75	721	8.75	412	2.00			401	8.00		
34	001727	Lê Quốc Minh	12A4	112	6.25	124	7.25	124	8.50	221	5.50	122	7.75			301	8.50		
35	001760	Phùng Quang Huy	12A4	110	2.75	121	4.75	132	8.00	621	8.00	412	5.00			404	7.75		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
36	001767	Đặng Hoàng Trúc My	12A4	113	4.55	122	7.50	121	8.75	421	5.75	121	7.75			304	8.75		
37	001773	Nguyễn Thị Tâm Như	12A4	113	3.40	123	7.00	132	9.00	121	4.70	212	6.75			301	9.00		
38	001788	Đoàn Gia Bảo	12A4	113	5.80	121	8.00	122	9.25	221	6.50	123	9.75			302	9.25		
39	001820	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	12A4	113	6.55	123	8.00	124	8.75	221	6.35	121	9.75			302	9.50		
40	001867	Lê Huỳnh Như Tuyết	12A4	112	4.05	121	7.00	134	8.50	621	8.50	312	6.50			403	8.25		
41	001893	Trần Tiến Phát	12A4	113	4.60	121	6.00	123	8.25	221	4.50	121	7.50			301	8.00		
42	001897	Trần Võ Thuận Thành	12A4	110	4.20	123	6.75	131	8.75	521	8.50	412	5.75			403	8.50		
43	001939	Trần Ngọc Toàn	12A4	112	4.35	121	4.50	121	6.00	121	5.50	124	6.00			304	6.25		
1	001297	Đỗ Tiến Phú	12A5	111	3.40	304	6.50	122	7.75	421	6.00	412	5.25			301	7.60		
2	001429	Nguyễn Ngọc Thảo Phương	12A5	110	2.95	303	6.50	134	7.50	621	6.60	412	6.50			301	8.00		
3	001432	Lương Duy Thiện	12A5	110	4.50	301	6.25	121	7.50	121	5.25	112	5.50			304	7.25		
4	001442	Châu Trần Phương Vy	12A5	112	3.90	303	6.25	122	7.50	521	5.70	212	6.25			404	7.50		
5	001555	Phạm Hoàng Nhân	12A5	112	4.75	302	8.50	121	7.75	321	5.75	212	4.25			301	8.75		
6	001563	Nguyễn Thị Nhã Quyên	12A5	112	4.10	304	6.25	124	8.50	321	4.50	312	6.25			302	7.00		
7	001586	Phạm Lê Thanh Hoàng	12A5	111	5.00	301	8.50	123	8.50	121	6.75	412	8.25			304	9.25		
8	001681	Nguyễn Tuấn Kiệt	12A5	111	4.55	303	6.50	124	7.50	521	6.25	123	6.00			304	7.25		
9	001800	Võ Lê Quang Huy	12A5	113	4.40	303	4.50	124	6.25	421	4.85	312	3.00			303	5.25		
10	001811	Trần Bảo Như	12A5	111	4.30	303	5.75	121	8.50	521	6.75	312	7.25			403	6.85		
11	001287	Ngô Phan Trúc Linh	12A5	111	4.50	124	8.00	124	7.50	221	4.10	121	6.25			302	7.25		
12	001311	Nguyễn Ngọc Tường Vi	12A5	110	2.75	121	6.75	121	8.50	321	4.75	121	6.00			301	7.25		
13	001323	Nguyễn Trần Ngọc Hân	12A5	111	4.30	123	7.00	122	8.25	321	4.10	122	7.25			302	7.75		
14	001326	Giáp Nguyễn Minh Hậu	12A5	112	5.50	123	6.75	123	7.75	221	5.35	123	7.50			303	8.50		
15	001354	Nguyễn Quốc Việt	12A5	110	5.10	121	6.75	123	8.75	421	4.50	122	7.75			304	8.60		
16	001368	Thạch Minh Hiền	12A5	110	3.40	122	6.25	134	8.75	521	6.50	112	6.75			404	8.25		
17	001385	Bùi Thụy Bảo Phương	12A5	111	3.65	121	6.50	124	8.25	421	4.35	123	5.25			304	7.60		
18	001465	Trần Văn Long	12A5	111	4.30	122	7.25	134	9.00	721	7.10	412	7.25			402	9.25		
19	001478	Trần Hưng Thịnh	12A5	112	5.25	121	6.50	123	9.25	321	4.70	122	7.50			304	8.00		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
20	001500	Văn Nguyễn Gia Hiếu	12A5	113	4.90	121	7.75	123	7.00	121	6.75	123	6.25			301	7.50		
21	001505	Trần Anh Khoa	12A5	113	5.50	124	6.50	124	8.75	421	8.00	124	7.50			304	9.00		
22	001517	Bùi Kiến Quốc	12A5	112	5.50	121	7.00	123	8.00	321	4.95	123	7.25			302	6.75		
23	001528	Nguyễn Thanh Trúc	12A5	111	5.50	123	7.50	124	9.00	221	6.25	123	7.75			303	9.50		
24	001534	Nguyễn Huỳnh Phương Anh	12A5	110	4.75	123	6.50	123	8.25	221	5.00	122	4.75			304	9.25		
25	001577	Nguyễn Thị Hồng Anh	12A5	110	4.85	124	7.00	124	7.75	121	5.50	121	5.50			301	8.50		
26	001589	Nguyễn Ngọc Huệ	12A5	110	5.80	123	6.00	121	8.50	121	5.35	124	7.50			301	8.50		
27	001603	Lê Thị Yến Nhi	12A5	111	5.25	124	6.75	131	9.75	521	8.75	112	8.75			404	8.75		
28	001634	Phạm Châu Kiên	12A5	110	2.85	124	7.25	122	5.50	421	3.55	121	6.25			302	8.50		
29	001654	Phạm Phan Anh Thư	12A5	112	5.75	123	7.75	123	8.75	221	7.50	121	9.00			301	9.50		
30	001659	Nguyễn Thanh Tú	12A5	112	5.75	122	7.00	123	8.75	321	8.25	122	7.25			301	8.50		
31	001685	Huỳnh Nhựt Minh	12A5	112	6.25	121	7.50	121	9.00	321	4.75	124	7.50			302	7.25		
32	001721	Phạm Anh Kiệt	12A5	113	4.55	123	7.00	122	5.25	121	3.35	121	6.75			304	7.75		
33	001733	Lâm Thục Như	12A5	112	4.20	124	7.00	122	8.25	321	5.25	123	4.50			303	8.00		
34	001738	Ngô Võ Kim Tài	12A5	112	3.90	123	6.50	124	7.50	121	5.75	124	6.75			302	8.00		
35	001810	Phan Hoàng Kiều Như	12A5	113	5.25	121	6.25	124	9.00	321	5.25	123	6.75			303	9.00		
36	001858	Ngô Xuân Thanh	12A5	112	4.55	121	6.50	122	8.50	221	4.20	121	7.00			301	9.00		
37	001859	Hồ Duy Thành	12A5	113	4.10	122	7.50	131	8.75	621	6.35	212	7.00			401	6.85		
38	001881	Đinh Thị Thu Hường	12A5	113	2.55	121	6.75	133	8.00	521	8.00	312	3.75			402	8.50		
39	001885	Dương Ánh Linh	12A5	V	V	V	V	V	V	V	V	V	V			V	V		
40	001903	Huỳnh Trung Tính	12A5	111	3.05	123	7.00	132	8.50	621	5.10	412	5.50			401	9.50		
41	001911	Lâm Thị Ngọc Bích	12A5	112	4.30	122	7.25	121	9.00	421	4.60	122	6.00			301	8.25		
42	001921	Hoàng Khánh Linh	12A5	112	3.65	124	6.25	131	8.00	721	8.00	112	5.75			404	8.75		
43	001940	Trần Thanh Toàn	12A5	112	4.85	124	6.75	124	8.00	421	5.60	124	6.50			303	7.75		
1	001302	Nguyễn Tô Ngọc Phương Thảo	12A6	112	5.50	301	7.50	124	9.50	121	6.60	112	6.00					132	8.75
2	001308	Phạm Thị Thu Trang	12A6	110	4.10	303	8.25	122	6.75	121	5.10	212	6.25					132	6.00
3	001315	Võ Nguyễn Hoài An	12A6	113	3.65	302	5.25	124	8.25	221	3.20	412	7.25					132	7.50

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
4	001348	Nguyễn Duy Thắng	12A6	111	5.05	302	9.00	124	9.00	421	6.00	312	7.50					133	9.50
5	001384	Phạm Bảo Phước	12A6	110	4.35	301	8.00	124	8.25	321	5.50	412	6.25					132	9.50
6	001391	Lê Quang Thiện	12A6	113	6.25	304	9.00	122	8.25	221	6.25	112	8.75					132	8.00
7	001394	Phan Minh Bảo Trâm	12A6	113	3.70	304	5.75	121	6.25	321	5.25	412	5.25					133	6.85
8	001461	Nguyễn Lê Đăng Khoa	12A6	111	4.05	302	6.50	123	7.00	421	4.85	312	5.00					131	9.00
9	001463	Nguyễn Ngọc Phi Long	12A6	111	2.75	302	8.75	133	8.25	521	7.25	412	5.50					132	8.00
10	001807	Nguyễn Ngọc My	12A6	113	5.75	301	7.25	121	9.00	421	7.00	212	7.75					132	8.25
11	001838	Đặng Ngọc Minh Huyền	12A6	110	3.20	303	6.50	122	9.00	321	4.75	212	5.00					134	6.75
12	001846	Nguyễn Thị Kiều My	12A6	110	5.05	304	7.50	123	9.25	321	5.50	112	6.25					131	8.50
13	001857	Nguyễn Danh Thái	12A6	111	5.30	304	7.50	123	8.00	121	3.10	112	5.00					133	8.50
14	001915	Huỳnh Bảo Hân	12A6	111	3.70	304	5.50	122	9.00	321	5.75	312	5.00					133	8.50
15	001944	Tăng Chí Văn	12A6	110	5.50	302	7.75	121	9.50	421	6.60	212	5.75					132	9.00
16	001399	Nguyễn Ngô Quốc Vũ	12A6	112	5.05	122	7.25	122	8.50	321	6.00	121	8.50					132	8.25
17	001404	Hoàng Ngọc Mai Anh	12A6	110	5.05	123	6.00	124	8.75	121	5.10	123	7.75					132	9.50
18	001410	Đình Cao Trung Hiếu	12A6	113	4.40	122	6.25	121	8.25	121	5.85	124	7.75					132	8.50
19	001421	Cái Ngọc Phi Long	12A6	112	4.40	121	7.00	121	8.25	221	3.95	124	7.50					131	9.00
20	001424	Trần Lê Ánh Ngọc	12A6	110	5.30	123	7.25	122	9.00	321	5.25	123	8.00					133	9.50
21	001467	Phan Thanh Nhã	12A6	113	4.35	121	5.25	122	8.75	121	5.35	123	5.75					131	8.00
22	001506	Trần Anh Khoa	12A6	111	5.75	122	7.50	122	8.25	121	5.85	122	9.25					134	8.00
23	001562	Nguyễn Đức Mạnh Quý	12A6	113	4.80	124	7.50	122	9.25	221	6.50	312	6.50					123	7.50
24	001607	Cao Phan Quyết	12A6	112	6.00	124	4.75	121	9.25	121	5.00	123	8.25					133	9.25
25	001608	Nguyễn Hồ Song Thư	12A6	110	4.35	122	6.75	123	8.75	421	5.50	121	6.50					134	7.50
26	001614	Hoàng Thiên Trường	12A6	111	3.15	121	7.25	122	8.50	321	5.25	124	5.25					131	9.25
27	001622	Phạm Lan Anh	12A6	113	4.80	124	7.50	124	8.50	321	5.60	123	8.25					134	7.50
28	001651	Phan Thị Như Quỳnh	12A6	110	5.30	121	7.75	122	9.25	221	6.00	124	7.75					134	9.25
29	001669	Nguyễn Hồng Ánh	12A6	112	5.05	123	6.50	121	8.25	121	5.00	124	6.00					131	7.75
30	001697	Trần Thanh Anh Thư	12A6	112	4.50	122	6.75	121	9.00	421	6.25	123	7.25					132	8.50

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTP	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
31	001705	Võ Thị Như Ý	12A6	110	5.50	121	6.25	123	9.25	421	4.60	312	6.75					124	7.75
32	001709	Nguyễn Thị Hồng Ánh	12A6	112	3.80	123	7.00	121	8.50	321	5.00	124	6.25					131	9.50
33	001719	Phạm Gia Huy	12A6	112	5.05	124	5.50	122	9.50	221	5.25	121	7.75					133	8.75
34	001728	Nguyễn Anh Minh	12A6	112	6.30	121	7.25	122	8.75	121	7.00	123	8.50					132	8.50
35	001796	Lê Thanh Hải	12A6	111	2.55	124	6.00	122	7.00	121	4.60	121	6.50					133	4.95
36	001805	Lê Thị Thảo My	12A6	110	4.10	123	6.75	123	8.50	321	4.00	122	4.25					131	9.25
37	001812	Cao Đãi Ninh	12A6	113	5.80	121	7.00	124	8.50	121	5.60	123	7.50					131	8.75
38	001872	Võ Lê Hoàng Gia Bảo	12A6	110	4.65	121	6.50	123	7.00	421	4.75	112	7.25					121	6.25
39	001891	Phan Tấn Phát	12A6	110	3.45	124	6.00	122	8.25	321	4.25	123	6.25					132	6.25
40	001917	Nguyễn Đình Kha	12A6	112	4.80	122	6.00	121	8.75	321	6.50	123	8.25					131	9.50
41	001920	Nguyễn Đức Khải	12A6	110	4.10	121	6.00	124	6.25	221	4.00	312	4.00					121	6.85
42	001922	Lê Công Linh	12A6	113	6.00	122	6.75	123	9.25	321	6.25	121	7.25					132	9.50
1	001285	Nguyễn Gia Khang	12A7	113	2.15	304	5.50	121	7.50			112	3.75	122	8.25			123	6.85
2	001314	Nguyễn Vũ Phương An	12A7	112	3.40	301	5.75	121	7.00			212	6.75	211	9.50			131	8.75
3	001477	Nguyễn Ngọc Hưng Thịnh	12A7	111	3.60	302	5.75	124	7.50			122	8.00	121	8.75			134	8.50
4	001488	Nguyễn Anh Lê Vy	12A7	110	2.55	303	6.75	122	5.75			112	3.75	121	8.00			123	6.10
5	001581	Phạm Hà Linh Đan	12A7	113	2.35	301	5.75	123	6.75			212	4.25	213	8.10			133	6.50
6	001640	Võ Thị Tuyết Mai	12A7	113	3.70	302	6.75	133	8.25			112	6.50	124	7.85			131	8.50
7	001663	Nguyễn Ngọc Như Ý	12A7	113	2.30	304	6.75	121	8.00			123	6.75	121	8.75			132	7.60
8	001694	Võ Ngọc Như Quỳnh	12A7	113	3.10	302	6.50	122	8.50			112	6.00	213	8.50			134	8.75
9	001835	Nguyễn Ngọc Gia Hào	12A7	111	4.55	302	6.50	123	8.75			112	6.25	123	9.00			124	8.10
10	001899	Đặng Ngọc Phương Thảo	12A7	113	4.55	302	6.75	121	9.00			112	7.50	213	9.50			134	8.50
11	001913	Đình Gia Hân	12A7	V	V	V	V	V	V			V	V	V	V			V	V
12	001919	Nguyễn Đỗ Minh Khải	12A7	111	4.40	124	6.50	122	8.75			212	6.25	212	9.00			121	7.35
13	001299	Hồng Thiên Phúc	12A7	011	1.13	002	3.75	132	10			020	4.75	120	8.00			129	6.10
14	001313	Lưu Thái Bình An	12A7	113	3.20	124	7.00	121	8.50			121	7.25	214	8.75			131	8.25
15	001335	Phạm Thị Trúc Linh	12A7	110	2.55	123	7.50	123	8.25			122	7.00	213	7.70			131	8.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
16	001337	Đặng Hồ Như Ngọc	12A7	111	3.85	121	7.00	121	8.50			123	8.50	212	9.25			131	10.00
17	001339	Huỳnh Bảo Ngọc	12A7	112	3.30	122	7.50	122	8.50			123	7.25	213	9.25			133	7.75
18	001341	Long Hữu Phúc	12A7	113	2.80	121	7.25	121	8.25			412	5.75	212	7.25			122	6.25
19	001358	Dương Bùi Bích Anh	12A7	112	3.50	122	6.50	122	8.50			124	6.50	213	9.00			134	8.50
20	001364	Lê Nguyễn Ngọc Dung	12A7	113	4.75	124	7.25	124	9.50			121	7.75	214	9.50			133	10.00
21	001367	Nguyễn Thị Thu Hiền	12A7	110	1.95	122	7.50	124	9.00			112	5.00	211	9.00			124	7.20
22	001393	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	12A7	113	4.85	124	7.00	121	8.25			124	8.50	212	8.50			133	8.00
23	001405	Lưu Quang Dũng	12A7	113	5.50	123	8.75	123	8.50			123	9.25	214	9.50			132	7.00
24	001408	Lương Trịnh Hoàng Duy	12A7	110	2.60	124	7.25	122	6.25			312	3.50	213	7.60			123	6.25
25	001416	Trần Quốc Khánh	12A7	V	V	124	7.00	124	6.25			212	3.75	212	4.75			122	6.50
26	001440	Đặng Thành Trí	12A7	110	2.50	122	7.25	123	7.50			123	5.75	213	8.00			132	8.00
27	001485	Lê Nguyễn Khánh Vy	12A7	111	3.40	124	7.00	123	9.25			121	8.25	213	8.50			133	8.25
28	001493	Nguyễn Hoàng Phương Anh	12A7	112	3.65	123	4.75	123	8.50			124	6.50	211	8.00			131	6.00
29	001522	Lý Thái Kim Thuận	12A7	110	3.9	123	7.00	122	9.00			122	8.00	211	9.25			133	8.75
30	001533	Nguyễn Huỳnh Anh	12A7	111	3.15	123	8.25	131	9.75			412	5.25	124	9.25			123	8.50
31	001537	Nguyễn Ánh Dương	12A7	113	4.60	123	7.50	123	8.50			124	8.50	214	8.35			131	9.00
32	001565	Phạm Thị Phương Thủy	12A7	112	5.00	123	6.75	121	8.25			122	9.25	121	9.25			124	7.35
33	001579	Nguyễn Trần Gia Anh	12A7	113	3.30	123	6.75	132	6.75			212	6.00	121	8.10			122	7.10
34	001600	Đinh Thị Yến Nhi	12A7	113	5.25	124	8.00	124	8.25			123	9.75	211	8.50			131	10.00
35	001605	Phạm Võ Ngọc Quyên	12A7	110	5.05	123	6.50	122	8.50			124	9.25	214	8.50			131	9.50
36	001609	Nguyễn Minh Thư	12A7	111	2.50	121	8.75	124	6.50			124	5.75	213	8.00			132	7.75
37	001623	Phạm Trần Vân Anh	12A7	111	5.00	123	6.50	124	8.50			122	7.75	213	9.00			132	9.25
38	001624	Phạm Vân Anh	12A7	110	3.30	124	7.75	123	6.25			124	7.75	212	8.25			133	5.75
39	001657	Huỳnh Thanh Tú	12A7	113	4.35	122	7.25	123	6.50			312	5.25	214	8.50			123	8.25
40	001684	Huỳnh Anh Tuyết Minh	12A7	113	3.95	124	6.50	122	8.50			123	9.25	212	8.75			132	7.00
41	001703	Võ Anh Tú	12A7	011	1.13	002	2.25	129	8			120	7.25	120	7.75			129	3.00
42	001718	Nguyễn Đức Huy	12A7	112	2.70	121	6.50	123	6.75			112	5.00	212	9.00			122	5.75

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
43	001739	Đỗ Trương Xuân Thy	12A7	113	3.95	122	7.25	122	8.00			121	8.75	214	9.00			131	9.25
44	001768	Hoàng Ngọc Bảo My	12A7	112	5.05	123	7.50	121	7.25			121	9.50	212	9.25			133	8.50
45	001790	Hồ Trương Gia Bảo	12A7	111	2.75	122	7.50	123	5.25			412	4.00	213	8.35			121	7.25
46	001852	Châu Gia Phát	12A7	112	3.90	121	6.50	124	9.25			123	9.00	212	9.25			134	10.00
47	001877	Đào Ngọc Bảo Hân	12A7	112	2.60	122	7.75	134	7.75			412	6.00	124	8.35			124	5.70
48	001926	Đặng Ngọc Phương Nghi	12A7	111	3.55	123	6.50	134	9.25			412	6.75	123	9.25			123	9.25
49	001946	Trần Chí Vân	12A7	111	2.75	122	7.50	123	8.50			312	6.00	212	9.00			122	7.75
50	001947	Đào Lê Tường Vi	12A7	113	4.10	121	7.25	121	8.75			112	7.25	213	8.50			124	8.50
1	001321	Trương Quốc Cường	12A8	110	2.70	301	6.50	133	8.75			112	4.50	121	9.00	301	7.25		
2	001361	Lê Nguyễn Ngọc Diệp	12A8	112	5.25	303	6.75	121	8.00			312	7.00	123	8.85	401	7.00		
3	001382	Trang Hồng Ngọc	12A8	113	4.80	302	8.00	122	8.75			312	6.00	123	9.25	403	10.00		
4	001450	Nguyễn Phan Thanh Duy	12A8	111	3.15	304	7.50	124	8.75			312	5.50	211	8.25	302	6.25		
5	001513	Nguyễn Thành Nhân	12A8	112	3.25	304	7.00	124	6.25			312	4.00	213	8.00	304	6.25		
6	001552	Nguyễn Phát Lượng	12A8	113	3.75	301	6.50	124	9.25			112	5.00	214	9.25	301	8.75		
7	001677	Hồ Đức Huy	12A8	112	3.55	302	6.25	121	5.75			112	3.00	122	8.25	401	8.25		
8	001679	Lê Tuấn Kiệt	12A8	112	3.15	302	6.25	122	8.00			122	8.75	122	8.25	302	7.25		
9	001762	Trần Gia Kiệt	12A8	111	3.40	302	6.75	121	7.75			124	8.00	124	7.10	303	8.25		
10	001871	Võ Huỳnh Gia Bảo	12A8	112	3.00	302	7.50	124	8.25			412	5.50	123	8.00	403	7.60		
11	001271	Lê Thụy Trà An	12A8	111	2.75	124	7.25	124	7.75			312	7.25	214	8.50	403	6.50		
12	001284	Nguyễn Duy Khang	12A8	112	2.35	121	6.00	122	7.25			123	6.00	211	7.35	301	6.85		
13	001325	Trần Hà Ngọc Hân	12A8	113	3.15	122	6.75	134	9.75			312	6.00	121	7.50	403	6.35		
14	001343	Nguyễn Thiên Phúc	12A8	113	3.15	124	7.00	132	9.50			112	4.75	121	8.75	401	7.60		
15	001346	Nguyễn Thị Hồng Thắm	12A8	110	4.30	121	6.75	123	8.00			312	7.25	213	8.50	404	8.50		
16	001353	Nguyễn Nam Việt	12A8	112	4.40	122	6.75	132	9.25			212	5.00	121	9.75	403	7.00		
17	001412	Lê Đỗ Minh Hiếu	12A8	112	3.10	121	7.00	123	7.25			121	6.75	212	6.50	304	5.75		
18	001423	Lý Thành Long	12A8	111	5.00	123	5.75	132	9.50			412	7.00	123	8.75	402	8.25		
19	001428	Nguyễn Ngọc Mai Phương	12A8	113	3.80	123	6.00	131	10.00			312	5.75	122	8.25	403	7.25		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
20	001433	Nguyễn Ngọc Thiện	12A8	111	3.40	123	6.50	121	8.75			412	5.25	214	8.50	403	8.25		
21	001447	Lê Ngọc Lan Anh	12A8	111	4.65	122	7.00	131	9.75			212	5.00	121	8.60	402	8.75		
22	001469	Huỳnh Nguyễn Thanh Nhân	12A8	111	5.50	123	7.00	124	8.75			121	8.75	211	8.75	303	8.00		
23	001486	Lê Thảo Vy	12A8	111	4.30	122	7.00	121	8.75			412	6.00	214	9.25	401	7.35		
24	001509	Liên Thành Luân	12A8	111	2.75	124	7.25	124	9.25			412	6.50	214	9.50	402	7.50		
25	001542	Nguyễn Phúc Khải Hoàn	12A8	110	4.85	121	7.25	121	8.75			412	6.25	212	9.25	402	8.50		
26	001549	Võ Minh Khoa	12A8	111	2.10	121	6.25	132	7.00			112	3.75	123	5.50	402	6.00		
27	001553	Đặng Thị Trúc Ly	12A8	112	4.50	123	6.50	122	8.75			312	6.50	213	8.10	403	8.75		
28	001574	Trà Huỳnh Thanh Vy	12A8	112	5.05	121	6.50	121	7.00			124	6.75	211	7.50	302	8.00		
29	001610	Nguyễn Phạm Anh Thư	12A8	112	4.80	123	7.00	121	8.25			122	8.75	212	8.75	304	8.50		
30	001625	Ngô Tiến Đạt	12A8	112	3.75	123	7.25	134	8.00			312	6.75	121	9.00	401	7.75		
31	001668	Nguyễn Hoàng Nhật Ánh	12A8	111	4.10	123	6.75	122	8.50			124	8.25	214	8.25	303	9.00		
32	001671	Phạm Minh Đạt	12A8	110	2.95	123	5.75	123	8.25			412	3.25	214	8.75	404	7.25		
33	001701	Phạm Thụy Cẩm Tú	12A8	113	3.40	121	7.25	133	9.25			212	5.25	124	9.50	402	7.00		
34	001772	Nguyễn Quỳnh Như	12A8	112	3.70	121	7.25	132	9.25			212	6.25	121	8.35	402	8.50		
35	001789	Đỗ Quốc Bảo	12A8	112	5.05	123	7.50	122	9.00			124	6.25	211	8.50	302	8.25		
36	001836	Dương Nguyên Hạo	12A8	113	5.05	121	6.75	124	8.75			122	8.25	212	9.50	303	9.25		
37	001874	Bùi Thị Kim Hằng	12A8	111	5.30	123	8.00	124	9.75			212	7.75	214	9.75	403	9.25		
38	001878	Trần Lê Quốc Hưng	12A8	113	2.10	122	7.25	122	8.50			112	5.25	211	8.50	402	8.60		
39	001918	Nguyễn Văn Kha	12A8	111	2.75	124	7.25	123	8.75			412	5.50	211	9.25	403	7.35		
40	001928	Nguyễn Thị Huỳnh Nghi	12A8	112	4.25	124	6.00	131	9.75			112	6.50	121	9.75	403	7.60		
41	001942	Đào Thị Thùy Trang	12A8	110	3.25	123	7.00	122	5.50			312	5.00	214	9.25	403	6.75		
1	001320	Lê Trần Văn Cường	12A9	112	3.25	303	7.25	121	8.00			412	5.25	212	7.50	303	8.25		
2	001490	Nguyễn Bùi Duy Anh	12A9	112	3.35	302	7.25	122	9.25			122	6.50	121	8.25	303	7.75		
3	001557	Giang Minh Nhật	12A9	111	3.70	303	8.50	122	9.25			124	8.00	122	9.00	302	7.75		
4	001619	Vũ Đoàn Thanh Vy	12A9	110	3.10	303	6.50	123	8.25			312	5.25	123	7.50	402	7.50		
5	001629	Nguyễn Tiến Đạt	12A9	111	3.00	301	8.00	122	9.25			412	4.50	211	8.50	301	8.25		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
6	001281	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	12A9	111	3.60	122	7.50	132	9.50			212	6.75	124	8.10	402	8.50		
7	001312	Nguyễn Vũ Thảo Vi	12A9	112	4.15	123	7.00	134	9.50			112	7.25	122	10.00	404	8.25		
8	001331	Bùi Ngọc Bảo Khanh	12A9	110	3.15	121	7.00	134	7.25			212	4.25	123	7.50	404	6.75		
9	001355	Nguyễn Quốc Việt	12A9	111	4.80	123	6.75	123	9.25			123	8.50	211	9.00	304	8.50		
10	001357	Châu Quỳnh Anh	12A9	110	4.80	121	7.75	123	7.00			412	7.50	214	9.25	404	8.50		
11	001362	Phan Ngọc Diệp	12A9	111	2.60	123	7.00	133	9.25			412	7.00	124	8.75	403	8.00		
12	001374	Nguyễn Quốc Khánh	12A9	112	2.75	121	7.00	124	7.50			212	6.50	212	8.25	402	7.25		
13	001381	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	12A9	113	3.30	124	6.75	131	9.50			312	6.50	121	9.10	401	8.25		
14	001400	Nguyễn Hùng Vương	12A9	113	4.80	124	6.50	124	9.00			122	9.00	211	8.50	301	8.85		
15	001418	Huỳnh Anh Khoa	12A9	111	2.35	122	7.75	121	8.00			123	6.75	211	6.60	303	5.50		
16	001438	Trương Thị Trần Huyền Trân	12A9	113	1.60	121	6.25	123	8.00			112	4.50	212	7.50	402	6.60		
17	001453	Mai Hồ Chí Hiếu	12A9	110	2.35	123	7.25	122	9.25			122	7.75	212	9.00	301	7.00		
18	001474	Nguyễn Thọ Quang	12A9	113	5.10	124	7.00	133	9.00			212	7.25	124	9.00	401	8.85		
19	001483	Hoàng Ngọc Trinh	12A9	110	3.15	122	7.50	131	9.75			412	7.75	124	10.00	401	8.25		
20	001487	Lê Thị Phương Vy	12A9	112	1.95	123	7.00	121	8.50			112	6.00	212	8.00	401	7.50		
21	001548	Trương Đăng Khoa	12A9	112	3.15	123	5.00	123	7.50			212	6.00	211	5.50	404	7.75		
22	001566	Đặng Hoàng Anh Thư	12A9	111	3.60	121	7.75	133	8.00			212	7.25	124	8.50	403	8.10		
23	001583	Đậu Nguyễn Thành Đạt	12A9	112	3.20	122	5.75	133	7.00			123	3.75	123	7.00	301	6.25		
24	001606	Nguyễn Thị Mỹ Quyền	12A9	113	2.10	121	7.25	122	7.75			212	5.00	213	7.60	403	7.75		
25	001611	Nguyễn Thanh Thư	12A9	112	5.25	122	6.25	123	9.00			123	8.25	213	8.50	304	8.25		
26	001618	Trương Thúy Vy	12A9	113	4.35	121	6.50	124	9.00			212	7.75	212	9.25	404	7.75		
27	001661	Kiều Gia Vỹ	12A9	113	4.05	122	6.25	122	8.25			212	8.50	211	9.00	403	8.75		
28	001667	Võ Hoài Anh	12A9	113	2.80	123	7.00	131	9.00			312	7.75	123	9.25	404	7.75		
29	001691	Trần Thị Yên Nhi	12A9	110	4.05	122	7.00	133	9.25			312	7.50	121	8.85	404	8.35		
30	001707	Phạm Lê Hoàng Yến	12A9	111	3.20	124	6.75	124	8.00			312	5.00	213	8.25	401	8.35		
31	001724	Sầm Lê Anh Kiệt	12A9	110	2.75	123	6.75	123	8.75			112	6.75	211	9.00	401	7.00		
32	001737	Dương Tấn Tài	12A9	110	4.35	122	7.00	123	7.25			212	6.75	211	7.50	402	7.60		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	TOÁN		ANH		SỬ		LÝ		HÓA		SINH		ĐỊA		KTPL	
				Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm	Mã đề	Điểm
33	001753	Nguyễn Văn Hào Em	12A9	110	3.05	123	7.00	132	5.00			412	4.25	122	6.50	401	7.25		
34	001765	Phùng Quang Minh	12A9	110	4.00	123	7.00	122	8.25			112	5.75	214	8.60	402	8.10		
35	001776	Phạm Anh Tài	12A9	111	3.80	123	6.25	122	8.75			412	6.75	214	8.75	401	7.25		
36	001785	Võ Hoàng Minh Tuấn	12A9	111	5.50	124	6.75	121	9.75			122	9.00	212	9.50	301	8.00		
37	001821	Nguyễn Ngọc Minh Thy	12A9	113	4.65	123	7.75	132	9.50			212	7.50	121	9.25	401	8.50		
38	001831	Nguyễn Gia Bảo	12A9	111	3.30	124	7.50	121	6.75			312	6.50	213	8.10	401	5.85		
39	001839	Đình Thị Thu Huyền	12A9	110	3.30	124	7.00	121	9.25			412	6.00	213	9.50	401	8.25		
40	001853	Chu Lê Đức Phát	12A9	111	3.45	123	7.00	122	8.25			123	6.25	211	7.60	304	7.50		
41	001900	Nguyễn Thủy Tiên	12A9	111	3.90	122	7.75	134	9.25			212	4.75	122	9.00	404	9.00		
42	001912	Nguyễn Phương Bình	12A9	112	3.40	124	7.25	132	7.75			312	8.00	122	9.50	401	8.00		